

Số: **973** /QĐ-HVPNVN

Hà Nội, ngày **23** tháng **9** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công tác xã hội

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐHV ngày 20/11/2021 của Hội đồng Học viện Phụ nữ Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ biên bản góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
Theo đề nghị của Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công tác xã hội, mã số: 8760101 (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, Khoa Công tác xã hội và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hội đồng KH&ĐT;
- Website Học viện;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC ✓


Trần Quang Tiến

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

(Ban hành theo Quyết định số **873**/QĐ-HVPNVN ngày **23** tháng **9** năm 2024
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Công tác xã hội
 - + Tên tiếng Anh: Social Work
 - + Mã ngành đào tạo: 8760101
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 02 năm; thời gian tối đa hoàn thành chương trình: 04 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Định hướng: Ứng dụng
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng thạc sĩ Công tác xã hội
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao về Công tác xã hội; có kiến thức tổng hợp về chính sách xã hội, về quản trị công tác xã hội; có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu trong thực hành nghề nghiệp nhằm can thiệp các tình huống thực tế ở các cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng. Người học có khả năng khám phá kiến thức mới; có khả năng nghiên cứu, có tư duy sáng tạo, tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; mở rộng cơ hội nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập; thích nghi với các môi trường làm việc; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có trách nhiệm xã hội và ý thức phục vụ nhân dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Hiểu rõ và thực thi được các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Công tác xã hội, đặc biệt là chính sách xã hội và an sinh xã hội; có kiến thức vững chắc, chuyên sâu về thực hành các lĩnh vực của Công tác xã hội; tổng hợp, vận dụng các kiến thức vào hoạt động quản lý, điều hành bộ máy tổ chức của cơ quan, đơn

vị; phát hiện và phát triển các kiến thức mới chuyên sâu về Công tác xã hội để bổ sung vào hệ thống lý thuyết và ứng dụng hiệu quả trong thực hành, quản trị Công tác xã hội.

2.2.2. Về kỹ năng

Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng ở tầm vĩ mô; có kỹ năng thực hành Công tác xã hội với cá nhân, nhóm và xây dựng dự án Công tác xã hội ở các tình huống phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính qui luật, khó dự báo; có kỹ năng thực hành, nghiên cứu độc lập, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng quản lý trường hợp, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng; có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề Công tác xã hội trong thực hiện vai trò và nhiệm vụ chuyên môn; có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; chủ động, tích cực học tập tiếp thu, cập nhật thông tin, kiến thức mới; có quan điểm đúng đắn về giới và bình đẳng giới; có ý thức và trách nhiệm trong việc nghiên cứu để bổ sung và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, vấn đề thực tiễn nảy sinh trong hoạt động Công tác xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển nghề Công tác xã hội; có năng lực tự chủ và trách nhiệm.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Về kiến thức

- KT1: Hiểu rõ, phân tích sâu và vận dụng được các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Công tác xã hội nói chung, đặc biệt về chính sách xã hội, giới và an sinh xã hội đối với các nhóm thân chủ.

- KT2: Vận dụng thành thạo được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Công tác xã hội để can thiệp, hỗ trợ các nhóm yếu thế, thực hiện các hoạt động Công tác xã hội tại các cơ sở; điều hành bộ máy tổ chức, hoạt động quản lý của các cơ quan/tổ chức Công tác xã hội; xây dựng dự án công tác xã hội.

- KT3: Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, liên ngành để phát triển các kiến thức mới về Công tác xã hội nhằm bổ sung vào hệ thống lý thuyết, ứng dụng hiệu quả phương pháp công tác xã hội trong thực hành Công tác xã hội và trong quản trị Công tác xã hội.

3.2. Về kỹ năng

- KN1: Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề của thân chủ ở cấp độ cá nhân, nhóm và cộng đồng ở tầm vĩ mô; có kỹ năng đánh giá tác động của từng chính sách đến các nhóm thân chủ, đồng thời tham mưu, tư vấn, khuyến nghị điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chính sách mới theo hướng đảm bảo lợi ích cho thân chủ; có kỹ năng phản biện.

- KN2: Thành thạo kỹ năng thực hành chuyên sâu Công tác xã hội với cá nhân, nhóm; phát triển kỹ năng xây dựng dự án Công tác xã hội ở các tình huống khó và phức tạp, khó dự báo; có kỹ năng thực hiện các bước lồng ghép giới trong lĩnh vực an sinh xã hội.

- KN3: Có kỹ năng tổ chức và quản trị Công tác xã hội trong môi trường đa dạng, phức tạp, trong bối cảnh có sự thay đổi.

- KN4: Có kỹ năng nghiên cứu và thực hành ở trình độ cao; có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng quản lý trường hợp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử hiệu quả trong giải quyết công việc.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- TC1: Có lập trường, quan điểm rõ ràng, có thái độ chính trị lập trường đúng đắn; hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức cách mạng; có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề Công tác xã hội trong thực hiện vai trò và nhiệm vụ chuyên môn.

- TC2: Tự giác, tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức mới về nghề nghiệp; làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; chịu trách nhiệm và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; chủ động, tích cực học tập tiếp thu, cập nhật thông tin, kiến thức mới.

- TC3: Có ý thức và trách nhiệm trong nghiên cứu để bổ sung và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, vấn đề thực tiễn nảy sinh trong hoạt động công tác xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển nghề Công tác xã hội của đất nước.

3.4. Chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ

- NN: Tiếng Anh đạt trình độ 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên).

4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

4.1. Vị trí công tác/việc làm

- Nhà quản trị/quản lý/điều hành tại các cơ quan nhà nước, tư nhân, phi chính phủ, quốc tế liên quan đến Công tác xã hội.

- Chuyên gia, người tự khởi nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến Công tác xã hội.

- Chuyên viên/kiểm huấn viên/nhân viên công tác xã hội tại các cơ quan/tổ chức thuộc nhà nước, tư nhân, phi chính phủ, quốc tế.

- Giảng viên/nghiên cứu viên về Công tác xã hội và các ngành gắn ở các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.

- Cán bộ tư vấn/tham vấn trong lĩnh vực Công tác xã hội...

4.2. Các loại hình tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc phù hợp

- Các cơ quan chuyên trách của các tổ chức chính trị - xã hội các cấp từ trung ương đến địa phương;
- Các cơ quan của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp từ trung ương đến địa phương;
- Các cơ quan/tổ chức trong hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trên toàn quốc;
- Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu, trung tâm, các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; các trường phổ thông.
- Các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các đối tượng xã hội khác nhau thuộc cơ quan nhà nước, tư nhân, phi chính phủ, quốc tế...;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể hoặc thuộc các các lĩnh vực: y tế, giáo dục, pháp luật, phúc lợi xã hội...; công chức làm việc tại các cơ quan/tổ chức địa phương;
- Các cơ sở trợ giúp người yếu thế, tự khởi nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến Công tác xã hội

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành Công tác xã hội định hướng ứng dụng, người học có đủ năng lực để:

- Có khả năng phát triển thành chuyên gia thực hành theo hướng chuyên môn sâu trong một lĩnh vực can thiệp cụ thể và/hoặc với nhóm thân chủ đặc thù.
- Có thể học tiếp lên chương trình tiến sĩ ngành Công tác xã hội khi đáp ứng đủ điều kiện đầu vào.
- Có khả năng học tập, nghiên cứu và thực hành để phát triển tri thức trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý, chuyên gia ở các mức độ khác nhau.
- Có khả năng tiếp cận, đáp ứng được các vị trí công việc cần trình độ cao, khó khăn, phức tạp.

6. Các chương trình, chuẩn đầu ra đã đối sánh và tham khảo

- Chương trình đào tạo thạc sĩ Công tác xã hội của Học viện Phụ nữ Việt Nam được đối sánh với Chương trình đào tạo thạc sĩ Công tác xã hội của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam và Chương trình đào tạo thạc sĩ Công tác xã hội của Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội).

- Ngoài ra, Chương trình đào tạo thạc sĩ Công tác xã hội của Học viện Phụ nữ Việt Nam được đối sánh với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Công tác xã hội của Học viện Lao động Quan hệ xã hội và Du lịch Ucraina (Academy of Labour, Social Relations and Tourism).

7. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào Mục tiêu Chương trình đào tạo, của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

7.1. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào Mục tiêu Chương trình đào tạo

STT	Mã CĐR	Mục tiêu 1	Mục tiêu 2	Mục tiêu 3
1.	KT1	3	2	1
2.	KT2	3	2	1
3.	KT3	3	2	1
4.	KN1	2	3	1
5.	KN2	2	3	1
6.	KN3	2	3	1
7.	KN4	2	3	1
8.	TC1	1	1	3
9.	TC2	1	1	3
10.	TC3	1	1	3

Ghi chú: 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao.

BH
GV
HƯ
T N
★

7.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

STT	Tên học phần	Bộ chuẩn đầu ra														
		KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	TC1	TC2	TC3	NN	IT			
1.	Triết học	3			1				2							
2.	Phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong Công tác xã hội			3				3						2		
3.	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	3			3									2		
4.	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao		2	2	1	2			1							
5.	Quản lý trường hợp trong thực hành Công tác xã hội		2	3		3			2	2						
6.	Kiểm huấn trong thực hành Công tác xã hội	1	3	2	2	2				2				2	1	
7.	Giới và an sinh xã hội	2			2									1		
8.	Ứng dụng lý thuyết trong thực hành Công tác xã hội		2	2	2				2					2		
9.	Ứng dụng Công tác xã hội cá nhân trong can thiệp, hỗ trợ thân chủ	1	3	2	2	2				2				2	1	
10.	Ứng dụng Công tác xã hội nhóm trong can thiệp, hỗ trợ thân chủ	2	3	2	2	2								2	1	
11.	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu		3	3		2				2	2			1	1	

8. Kế hoạch thực hiện chuẩn đầu ra và cam kết thực hiện

8.1. Kế hoạch thực hiện chuẩn đầu ra

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện Phụ nữ Việt Nam xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đủ về số lượng, có học hàm, học vị cao, được đào tạo bài bản, chuyên sâu về công tác xã hội tại các trường có uy tín trong nước và nước ngoài.

- Tăng cường mời chuyên gia, các nhà quản lý, thực hành tại các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội đến Học viện nói chuyện chuyên đề với sinh viên, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, cùng tham gia hướng dẫn học viên làm luận văn thạc sĩ.

- Thường xuyên cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa Chuẩn đầu ra, Chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, phù hợp với bối cảnh nghề Công tác xã hội ở Việt Nam và sự phát triển của nghề Công tác xã hội trên thế giới.

- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; cung cấp đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, phần mềm công nghệ thông tin phục vụ học tập của học viên. Phối hợp tốt với cơ quan, nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học.

- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định.

- Phát triển mạng lưới các cơ sở thực hành của Học viện để học viên được tạo điều kiện thuận lợi khi đến liên hệ thực hành, thực tập cũng như khi tìm kiếm việc làm.

- Đảm bảo có đầy đủ các thiết bị, phương tiện dạy học hiện đại theo hướng lấy người học làm trung tâm.

8.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Phụ nữ Việt Nam cam kết tuyển sinh, tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Trần Quang Tiến